

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ 2 TIN 10, NĂM HỌC 2023-2024

BÀI 16. NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH BẬC CAO VÀ PYTHON

Câu 1. Có mấy loại ngôn ngữ lập trình?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 2. Ngôn ngữ nào sau đây không phải ngôn ngữ bậc cao?

- A. C/C++
- B. Assembly
- C. Python
- D. Java

Câu 3. Chương trình dịch dùng để làm gì?

- A. Dịch từ ngôn ngữ máy sang hợp ngữ.
- B. Dịch từ ngôn ngữ bậc cao sang ngôn ngữ máy.
- C. Dịch từ hợp ngữ sang ngôn ngữ máy.
- D. Dịch từ ngôn ngữ máy sang ngôn ngữ bậc cao.

Câu 4. Python là ngôn ngữ lập trình bậc cao do Guido van Rossum, người Hà Lan tạo ra và ra mắt lần đầu tiên vào năm nào?

- A. 1990
- B. 1991
- C. 1992
- D. 1993

Câu 5. Phần mở rộng nào sau đây là đúng của tệp Python?:

- A. .pas
- B. .py
- C. .exe
- D. .doc

Câu 6. Mỗi ngôn ngữ lập trình thường có các thành phần cơ bản là:

- A. Bảng chữ cái, cú pháp.
- B. Bảng chữ cái và ngữ nghĩa.
- C. Bảng chữ cái, cú pháp và ngữ nghĩa.
- D. Cú pháp và ngữ nghĩa.

Câu 7. Tên nào sau đây trong ngôn ngữ Python là đặt đúng theo quy cách:

- A. Tinhoc@
- B. Tin hoc 10
- C. 10.Tinhoc
- D. Tinhoc10

BÀI 17. BIẾN VÀ LỆNH GÁN

Câu 8. Phép gán nào sau đây là đúng?:

- A. x==3
- B. x:=3
- C. x=3
- D. x:3

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là đúng nhất?

- A. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh.
- B. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh, các chữ số từ 0 đến 9 và kí tự gạch dưới.
- C. Tên biến trong Python không bắt đầu bằng chữ số và có phân biệt chữ hoa và chữ thường.
- D. Tên biến trong Python chỉ gồm chữ cái tiếng Anh, các chữ số từ 0 đến 9 và kí tự gạch dưới, không bắt đầu bằng chữ số và có phân biệt chữ hoa và chữ thường.

Câu 10. Cho đoạn chương trình sau:

```
x=6
y=2
print(x%y)
```

Trên màn hình xuất hiện giá trị:

- A. 0
- B. 2
- C. 3
- D. 6

Câu 11. Sau các lệnh dưới đây, các biến x, y nhận giá trị bao nhiêu?

```
>>> x = 10
>>> y = x**2 - 1
>>> x = x//2 + y%2
```

- A. x=6, y=98
- B. x=5, y=98
- C. x=6, y=99
- D. x=5, y=99

Câu 12. Sau các lệnh dưới đây, các biến x, y nhận giá trị bao nhiêu?

```
>>> "10"+"0"*5
```

- A. '1000000'
- B. '100000'
- C. '100100100100100'
- D. '1000001'

Câu 13. Tên biến nào sau đây hợp lệ?

- A. global
- B. return
- C. true
- D. _if

Câu 14. Khi viết $t=30+2$ thì t thuộc kiểu:

- A. Số nguyên
- B. Số thực
- C. Kiểu logic
- D. Số phức

Câu 15. Khi viết $s='ha noi'$ thì biến s thuộc kiểu:

- A. Số nguyên
- B. Số thực
- C. Kiểu logic
- D. Kiểu kí tự

Câu 16. Kiểu logic với giá trị đúng viết là:

- A. False
- B. false
- C. true
- D. True

BÀI 18. CÁC LỆNH VÀO RA ĐƠN GIẢN

Câu 17. Cho đoạn chương trình sau:

```
a=3.4
```

```
print(type(a))
```

Kết quả trên màn hình là kiểu dữ liệu:

- A. bool
- B. float
- C. int
- D. str

Câu 18. Để nhập vào giá trị là số cân nặng của một người theo đơn vị là kg chúng ta nên sử dụng câu lệnh nào là phù hợp nhất

- A. `N = input('Moi nhap can nang: ')`
- B. `N = int('Moi nhap can nang: '))`
- C. `N = float(input('Moi nhap can nang: '))`
- D. `N = input()`

Câu 19. Gọi `s` là diện tích tam giác ABC, để đưa giá trị của `s` ra màn hình ta viết:

- A. `print(s)`
- B. `print('s)`
- C. `print s`
- D. `print:(s)`

Câu 20. Cho biết các dòng lệnh nào sau đây đúng về mặt cú pháp

- {1} `Print("Python!")`
- {2} `print('python!')`
- {3} `print(python!)`
- {4} `print(*python!)`

- A. {1}
- B. {2}
- C. {3}
- D. {4}

Câu 21. Trong Python, để nhập vào số nguyên `n` từ bàn phím, ta dùng lệnh sau:

- A. `n=int(input("nhap so nguyen: "))`
- B. `n = (input('nhap so nguyen: '))`
- C. `n = ('nhap so nguyen: ')`
- D. `int(input('nhap so nguyen: '))`

Câu 22. Với `a = 7`, `b = 3`. Câu lệnh nào sẽ cho kết quả xuất ra màn hình là `7 - 3 = 4`

- A. `print("a - b = ", a - b)`
- B. `print("a", "-", "b", "=", a - b)`
- C. `print(a " - " b "=", a - b)`
- D. `print(a, "-", b, "=", a - b)`

BÀI 19. CÂU LỆNH ĐIỀU KIỆN IF

Câu 23. Các phép so sánh các giá trị số trong Python gồm:

- A. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `==` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác nhau).
- B. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `=` (bằng nhau), `<=` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác nhau).
- C. `<` (nhỏ hơn), `>` (lớn hơn), `==` (bằng nhau), `=<` (nhỏ hơn hoặc bằng), `>=` (lớn hơn hoặc bằng), `!=` (khác

nhau).

D. < (nhỏ hơn), > (lớn hơn), == (bằng nhau), <= (nhỏ hơn hoặc bằng), >= (lớn hơn hoặc bằng), ≠ (khác nhau).

Câu 24. Biểu thức logic nào sau đây thể hiện số a thuộc khoảng (5, 7]

A. $5 < a \leq 7$.

B. $5 \leq a \leq 7$.

C. $5 < a < 7$.

D. $5 \leq a < 7$.

Câu 25. Câu lệnh điều kiện dạng đủ nào sau đây là đúng?

A. if <điều kiện>:

 <khối lệnh 1>

else:

 <khối lệnh 2>

B. if <điều kiện>

 <khối lệnh 1>

else:

 <khối lệnh 2>

C. if <điều kiện>:

 <khối lệnh 1>

else

 <khối lệnh 2>

D. if <điều kiện>;

 <khối lệnh 1>

else:

 <khối lệnh 2>

Câu 26. Kết quả của đoạn chương trình sau

```
x=2021
```

```
print((x%4==0 and x%100!=0) or x%400==0)
```

A. 55

B. 5

C. True

D. False

Câu 27. Xét đoạn chương trình sau:

```
n=int(input("Nhập số tự nhiên n: "))
if n %2 ==0:
    print("Số đã nhập là số chẵn!")
else:
    print("Số đã nhập là số lẻ!")
```

Khi chạy chương trình, nếu nhập n=4 thì kết quả hiển thị là:

- A. Số đã nhập là số lẻ!
- B. Bạn đã nhập sai.
- C. Phép toán không thực hiện được.
- D. Số đã nhập là số chẵn!

Câu 28. Trong cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu câu lệnh < câu lệnh > được thực hiện khi nào?

- A. Điều kiện sai.
- B. Điều kiện đúng.
- C. Điều kiện bằng 0.
- D. Điều kiện khác 0.

Câu 29. Cho x = True, y = False. Cho biết giá trị của biểu thức sau:

not((x or y) and x)

- A. True
- B. False
- C. x
- D. 1

BÀI 20. CÂU LỆNH LẶP FOR

Câu 30. Lệnh **range(n)** trả lại vùng giá trị gồm n số từ:

- A. 0 đến n - 1
- B. 1 đến n
- C. 0 đến n
- D. 0 đến n+1

Câu 31. Cho đoạn chương trình sau:

```
for i in range(10,1,-1):
    print(i)
```

Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên, trên màn hình i có các giá trị là:

- A. 10,9,8,7,6,5,4,3,2,1
- B. 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
- C. 10,9,8,7,6,5,4,3,2
- D. 10,9,8,7,6,5,4,3,2,1,0

Câu 32. Cú pháp của lệnh lặp với số lần biết trước for trong Python được viết như thế nào là đúng?

- A. for i in range n
 <khởi lệnh lặp>
- B. for in range n:
 <khởi lệnh lặp>
- C. for i in range n:
- D. for i in range n:
 <khởi lệnh lặp>

Câu 33. Tính tổng các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn n, với n cho trước ($n = 10$).

s= 0

n = 10

for i in range(n):

if i%2==0:

s=s+i

print(s)

Đoạn chương trình trên cho kết quả là bao nhiêu?

- A. 10
- B. 30
- C. 20
- D. 40

Câu 34. Xét đoạn chương trình sau:

 n= int(input("Nhập n:"))

 tich = 1

 for i in range(1, n+1):

 tich = tich *i

 print("Tích các số từ 1 đến n là:",tich)

Khi chạy chương trình, nếu nhập $n=3$ thì kết quả hiển thị là:

- A. Tích các số từ 1 đến n là: 6
- B. Tích các số từ 1 đến n là: 5
- C. Tích các số từ 1 đến n là: 7
- D. Tích các số từ 1 đến n là: 8

Câu 35. Cho đoạn lệnh sau:

for i in range(5):

 print(i)

Trên màn hình i có các giá trị là:

- A. 0 1 2 3 4 5
- B. 0 1 2 3 4

C. 1 2 3 4 5

D. 1 2 3 4

Câu 36. Cho đoạn chương trình sau:

```
s=0
```

```
for i in range(1,7,2):
```

```
    s=s+i
```

Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên giá trị của s là:

A. 15

B. 9

C. 6

D. 21

BÀI 21. CÂU LỆNH LẶP WHILE

Câu 37. Trong các điều kiện sau đây điều kiện nào có số lần lặp không biết trước?

A. Vận động viên chạy nhiều vòng xung quanh sân vận động trong thời gian 2 tiếng.

B. Vận động viên chạy 20 vòng xung quanh sân vận động.

C. Em làm 5 bài tập thầy cô giao về nhà.

D. Em đi lấy 15 xô nước giúp mẹ

Câu 38. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Lệnh while kiểm tra điều kiện trước khi thực hiện khối lệnh lặp.

B. Lệnh while không biết trước số lần lặp.

C. Muốn thoát ngay khỏi vòng lặp while ta dùng lệnh break.

D. Lệnh while kiểm tra điều kiện sau khi thực hiện khối lệnh lặp.

Câu 39. Để in toàn bộ dãy các số tự nhiên từ 1 đến 100 trên một hàng ngang, đoạn chương trình nào sau đây là đúng?

```
k=0
while k < 100:
    k=k+1
    print(k,end=" ")
```

A.

```
k=1
while k < 100:
    k=k+1
    print(k,end=" ")
```

B.

```
k=0
while k < 100:
    k=k+1
    print(k)
```

C.

```
k=1
while k < 100:
    k=k+1
    print(k)
```

D.

Câu 40. Đoạn chương trình sau cho kết quả là bao nhiêu?

```
s= 4
```

```
while s>=4:
```

```
    s= s-1
```

```
    print(s)
```

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 41. Nếu muốn dừng và thoát ngay khỏi vòng lặp while, ta sử dụng lệnh nào sau đây?

A. print

B. input

C. break

D. if

Câu 42. Cho đoạn chương trình sau:

```
s=0
```

```
i=1
```

```
while i<=5:
```

```
    s=s+1
```

```
    i=i+1
```

Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên giá trị của s là:

A. 9

B. 5

C. 15

D. 10

Câu 43. Cho biết kết quả của đoạn chương trình dưới đây:

```
a = 10
```

```
while a < 11: print(a)
```

A. Chương trình bị lặp vô tận.

B. Trên màn hình xuất hiện 10 chữ a.

C. Trên màn hình xuất hiện một số 11

D. Trên màn hình xuất hiện một số 10.

BÀI 22. KIỂU DỮ LIỆU DANH SÁCH

Câu 44. Kiểu danh sách trong Python được khởi tạo như thế nào?

- A. <tên list> = [<v1>, <v2>, ... <vn>]
- B. <tên list> : [<v1>, <v2>, ... <vn>]
- C. <tên list> = [<v1>, <v2>]
- D. <tên list> : [<v1>, <v2>]

Câu 45. Để tạo một danh sách rỗng, cách viết nào sau đây là đúng?

- A. a == []
- B. a = [" "]
- C. a = []
- D. a = [0]

Câu 46. Lệnh nào sau đây là đúng khi khởi tạo dữ liệu danh sách Ds?

- A. Ds==[]
- B. Ds=[1.5, 2, 3, "9", "10"]
- C. Ds=={3, 4, 5, 6, 7}
- D. [1, 2, 3, 4, 5]=Ds

Câu 47. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Chỉ số của danh sách bắt đầu từ 0 đến len(), trong đó len() là lệnh tính độ dài của danh sách.
- B. Chỉ số của danh sách bắt đầu từ 0 đến len() – 1, trong đó len() là lệnh tính độ dài của danh sách.
- C. Các phần tử của danh sách có thể có các kiểu dữ liệu khác nhau.
- D. Có thể duyệt lần lượt các phần tử của danh sách bằng lệnh for kết hợp với vùng giá trị của lệnh range()

Câu 48. Đoạn chương trình sau cho kết quả là:

```
A = [2,4,6,8,10]
A.append(12)
del(A[1])
print(A)
```

- A. [2, 6, 8, 10, 12]
- B. [12, 2, 6, 8, 10]
- C. [2, 6, 8, 10]
- D. [2, 4, 6, 8, 10, 12]

Câu 49. Để khởi tạo danh sách c gồm 100 số 0 ta dùng cú pháp:

- A. c = 0*100
- B. c = 0*[100]
- C. c = [0]*100
- D. c = [0*100]

Câu 50. Để gọi đến phần tử đầu tiên trong danh sách a ta dùng lệnh:

- A. a.[1]
- B. a[0]
- C. a.0
- D. a[]

Câu 51. Để gọi đến phần tử cuối cùng trong danh sách A ta dùng lệnh:

- A. A[]
- B. A[1]
- C. A[0]
- D. A[len(A)-1]

Câu 52. Để kiểm tra một giá trị có nằm trong danh sách hay không, ta dùng cú pháp nào sau đây?

- A. <giá trị> in <danh sách>
- B. <danh sách> in <giá trị>
- C. <giá trị> on <danh sách>
- D. <giá trị> insert <danh sách>

Câu 53. Để xoá phần tử x từ danh sách A, câu lệnh nào sau đây đúng?

- A. A.append(x)
- B. A.insert(k,x)
- C. A.clear()
- D. A.remove(x)

Câu 54. Đoạn chương trình sau cho kết quả là gì?

```
A = [1, 2, 3, 4, 5]
A.clear()
print("A=",A)
```

- A. A= []
- B. A= [1, 2, 3, 4, 5]
- C. A= [2, 3, 4, 5]
- D. A= [1, 2, 3, 4]

Câu 55. Cho danh sách A=[4,7,8,6,7]. Kết quả sau khi gọi lệnh A.insert(1,5) là?

- A. [4,5,7,8,6,7]
- B. [5,7,8,6,7]
- C. [5,4,7,8,6,7]
- D. [4,7,8,6,7,1]

Câu 56. Để thêm số 5 vào đầu danh sách a, phương án nào sau đây đúng?

- A. a.insert(0,5)
- B. a.append(5)

C. a.pop(5)

D.pop(5)

Câu 57. Cho đoạn lệnh sau: a=[7,3,8,1,9] và del(a[3])

Danh sách a thu được là:

A. [7,8,1,9]

B. [7,3,1,9]

C. [7,3,8,9]

D. [7,3,8,1]

Câu 58. Cho danh sách a=[7,3,8,1,9]. Lệnh a.remove(3), danh sách a thu được là:

A. [7,8,1,9]

B. [7,3,1,9]

C. [7,3,8,9]

D. Báo lỗi

Câu 59. Cho danh sách A=[1,5], B = [3,9] và C = A + B, kết quả nào sau đây đúng khi thực hiện lệnh print(C)

A. [1,5,3,9]

B. [4,14]

C. [1,3,5,9]

D. [3,9,1,5]

BÀI 24. XÂU KÍ TỰ

Câu 60. Xâu rỗng là xâu có độ dài bằng:

A. 1

B. 2

C. 0

D. 3

Câu 61. Để khởi tạo xâu s rỗng ta dùng lệnh:

A. s='0'

B. s=""

C. s=[]

D. s=0

Câu 62. Để biết độ dài của xâu s ta dùng hàm:

A. str(s)

B. len(s)

C. length(s)

C. s.len()

Câu 63. Cho xâu s1='ab', xâu s2='a' với cú pháp: s2 in s1 cho kết quả là:

A. true

B. True

C. False

D. false

Câu 64. Cho xâu st='abc', xâu st có độ dài là:

A. 1

B. 2

C. 4

D. 3

Câu 65. Điểm khác nhau cơ bản giữa xâu và danh sách là:

A. Các phần tử của xâu được đánh số bắt đầu từ 0.

B. Không thể thay đổi được từng kí tự của xâu

C. Có thể thay đổi được từng kí tự của xâu

D. Truy cập đến phần tử của xâu thông qua tên biến xâu và chỉ số.

Câu 66. Lệnh dùng để duyệt từng kí tự ch của xâu theo phần tử của xâu s được viết:

A. for ch in range(len(s)):

B. for ch in len(s):

C. for ch in s:

D. for ch in s

Câu 67. Sau khi thực hiện đoạn lệnh sau biến s1 sẽ cho giá trị là bao nhiêu?

```
s = "abcdefghi"
```

```
k = len(s)//2
```

```
s1 = ""
```

```
for i in range(k):
```

```
    s1 = s1+s[i]
```

A. "abcde"

B. "efghi"

C. "abcdefghi"

D. "abcd"

Câu 68. Cho xâu a='học nhiều làm gì'

Hãy cho biết ký tự 'è' trong xâu a mang chỉ số mấy?

- A. 7
- B. 8
- C. 9
- D. 10

Câu 69. Cho lệnh:

xâu = 'Học ít thôi'

xâu1 = xâu[2:8]

Hãy cho biết đoạn lệnh trên có chức năng gì?

- A. lấy xâu con từ xâu mẹ
- B. lỗi cú pháp
- C. ghép xâu 2 và 8
- D. xóa xâu từ ký tự 2 đến 8

Câu 70. Kết quả của các câu lệnh sau là gì?

s = "12 34 56 ab cd de "

print(s.find(" "))

print(s.find("12"))

print(s.find("34"))

- A. 2, 0, 3
- B. 2, 1, 3
- C. 3, 5, 2
- D. 1, 4, 5.

Câu 71. Kết quả của chương trình sau là gì?

a = "Hello"

b = "world"

c = a + " " + b

print(c)

- A. hello world.
- B. Hello World.
- C. Hello word.
- D. Helloword.

Câu 72. Cho xâu s = "1, 2, 3, 4, 5". Muốn xóa bỏ ký tự “,” và thay thế bằng dấu “ ” ta sử dụng lần lượt những câu lệnh nào?

- A. remove() và join().
- B. del() và replace().
- C. split() và join().
- D. split() và replace().